TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2022/KDTM - ST
Ngày: 09/9/2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà***: Bà Phạm Thị Thu.

- ***Các Hội thẩm nhân dân***: Bà Lê Thị Thanh Vân; Bà Nguyễn Thị Tươi.

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà***: Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLST- KDTM ngày 09/6/2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST - KDTM ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022/QĐST – KDTM ngày 22/8/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ trụ sở chính: Số T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang H - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh H. (Theo văn bản uỷ quyền số 07/2022/VBUQ-S ngày 10/01/2022 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP S).

Người đại diện theo ủy quyền lại của bà Nguyễn Thị Thanh H: Bà Lê Thị Hồng Đ - Phó trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp chi nhánh H (Theo Văn bản ủy quyền lại số 01/2022/UQL ngày 23/3/2022) và ông Đào Việt A – chuyên viên xử lý nợ (theo giấy ủy quyền số 02/2022/UQL ngày 17/6/2022. (Đều có mặt).

- **Bị đơn**: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ T (Được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T từ ngày 03/6/2022; gọi tắt là Công ty T).

Địa chỉ trụ sở: Số Đ, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn P - Chức vụ: Giám đốc công ty. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu thay đổi bổ sung, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (Gọi tắt là S) trình bày:

Ngân hàng TMCP S và Công ty T ký kết Hợp đồng tín dụng số 86/2018/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 05/12/2018 và phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL 01 - 86/2018/HĐHM -PN/SHB.114000 với nội dung: S cho công ty T vay hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng); Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 05/12/2018 đến ngày 06/12/2019;Thời hạn mỗi khoản vay trong hạn mức: Tối đa 04 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất cho vay trong hạn 10%/năm; Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm điều giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh theo bằng mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi sau cao nhất KHCN của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ cho vay là 2.9%/năm; lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc; Lãi suất chậm trả: Tối đa không vượt quá 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi.

Quá trình thực hiện hợp đồng S đã giải ngân cho Công ty T theo các khế ước nhận nợ sau:

- Khế ước nhận nợ số 10 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 08/7/2019 số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng); thời hạn vay 04 tháng; ngày giải ngân 08/7/2019; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 08/11/2019; lãi suất cho vay 10%/năm và có sự điều chỉnh lãi suất theo khế ước nhận nợ ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án; phương thức giải ngân: Chuyển khoản số tiền 1 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H. Lịch trả nợ gốc vào cuối kỳ; trả lãi vào ngày 28 hàng tháng.

- Khế ước nhận nợ số 11 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 18/7/2019 số tiền 945.000.000đ; thời hạn vay 04 tháng; ngày giải ngân 18/7/2019; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 18/11/2019; lãi suất cho vay 10%/năm và có sự điều chỉnh lãi suất theo khế ước nhận nợ ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án; phương thức giải ngân: Chuyển khoản số tiền 945.000.000đ vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H. Lịch trả nợ gốc vào cuối kỳ; trả lãi vào ngày 28 hàng tháng.

- Khế ước nhận nợ số 12 - 86/HĐHM – PN/SHB.114000 ngày 20/7/2019 số tiền 550.000.000đ; thời hạn vay 04 tháng; ngày giải ngân 20/7/2019; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 20/11/2019; lãi suất cho vay 10%/năm và có sự điều chỉnh lãi suất theo khế ước nhận nợ ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án; phương thức giải ngân: Chuyển khoản số tiền 550.000.000đ vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H. Lịch trả nợ gốc vào cuối kỳ; trả lãi vào ngày 28 hàng tháng.

- Khế ước nhận nợ số 13 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 22/7/2019 số tiền 975.000.000đ; thời hạn vay 04 tháng; ngày giải ngân 22/7/2019; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 22/11/2019; lãi suất cho vay 10%/năm và có sự điều chỉnh lãi suất theo khế ước nhận nợ ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án; phương thức

giải ngân: Chuyển khoản số tiền 975.000.000đ vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H. Lịch trả nợ gốc vào cuối kỳ; trả lãi vào ngày 28 hàng tháng.

- Khế ước nhận nợ số 14 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 22/7/2019 số tiền 970.000.000đ; thời hạn vay 04 tháng; ngày giải ngân 22/7/2019; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 22/11/2019; lãi suất cho vay 10%/năm và có sự điều chỉnh lãi suất theo khế ước nhận nợ ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án; phương thức giải ngân: Chuyển khoản số tiền 970.000.000đ vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H. Lịch trả nợ gốc vào cuối kỳ; trả lãi vào ngày 28 hàng tháng.

- Khế ước nhận nợ số 15 - 86/HĐHM – PN/SHB.114000 ngày 23/7/2019 số tiền 978.000.000đ; thời hạn vay 04 tháng; ngày giải ngân 23/7/2019; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 23/11/2019; lãi suất cho vay 10%/năm và có sự điều chỉnh lãi suất theo khế ước nhận nợ ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án; phương thức giải ngân: Chuyển khoản số tiền 978.000.000đ vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H. Lịch trả nợ gốc vào cuối kỳ; trả lãi vào ngày 28 hàng tháng.

- Khế ước nhận nợ số 16 - 86/HĐHM – PN/SHB.114000 ngày 05/8/2019 số tiền 2.700.000.000đ; thời hạn vay 04 tháng; ngày giải ngân 05/8/2019; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 05/12/2019; lãi suất cho vay 10%/năm và có sự điều chỉnh lãi suất theo khế ước nhận nợ ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án; phương thức giải ngân: Chuyển khoản số tiền 2.700.000.000đ vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H. Lịch trả nợ gốc vào cuối kỳ; trả lãi vào ngày 28 hàng tháng.

- Khế ước nhận nợ số 17 – 86/HĐHM – PN/SHB.114000 ngày 05/8/2019 số tiền 2.650.000.000đ; thời hạn vay 04 tháng; ngày giải ngân 05/8/2019; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 05/12/2019; lãi suất cho vay 10%/năm và có sự điều chỉnh lãi suất theo khế ước nhận nợ ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án; phương thức giải ngân: Chuyển khoản số tiền 2.650.000.000đ vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H. Lịch trả nợ gốc vào cuối kỳ; trả lãi vào ngày 28 hàng tháng.

- Khế ước nhận nợ số 18 - 86/HĐHM – PN/SHB.114000 ngày 08/8/2019 số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng); thời hạn vay 04 tháng; ngày giải ngân 08/8/2019; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng 08/12/2019; lãi suất cho vay 10%/năm và có sự điều chỉnh lãi suất theo khế ước nhận nợ ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án; phương thức giải ngân: Chuyển khoản số tiền 3.000.000.000đ vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H. Lịch trả nợ gốc vào cuối kỳ; trả lãi vào ngày 28 hàng tháng.

Tổng số tiền S cho Công ty T vay là **13.768.000.000đ**.

Để đảm bảo cho cho khoản vay của Công ty T tại Ngân hàng thì ông Mai Văn P và bà Lê Thị Thủy Ng đã ký kết với ngân hàng hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất diện tích đất 327,3 m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: TDP B, TT N, huyện T, TP. Hải Phòng theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CR 504751 cấp ngày 03/4/2019 mang tên ông Mai Văn P và bà Lê Thị Thủy N. Tài sản bảo đảm nói trên được ký Hợp đồng thế chấp số 81/2018/HĐTC-PN/SHB114.000 ký ngày 5/12/2018, Số công chứng: 2122, quyển số 03.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2018 và PLHĐTC công chứng số 0636, quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/04/2019 tại

VPCC Phạm Thị Thúy M có Đ/c tại số: 86 Đ - TT N - H.T, Hải Phòng; ĐKGDBĐ ngày 10/04/2019 tại CNVPĐKQSDĐ huyện T. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng do hai bên thỏa thuận là 18.289.000.000đ. Ngoài các tài sản trên thì Công ty T không còn tài sản đảm bảo đảm nào khác tại S. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký, trả nợ các khoản nợ vay không đúng hạn. Vì vậy, S đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 08/11/2019. Từ khi khoản vay bị chuyển nợ quá hạn S cũng nhiều lần đôn đốc Công ty T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty T vẫn thường xuyên trả không đúng, không thực hiện đúng cam kết trả nợ. Do không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho S nên ngày 21/9/2020 ông Mai Văn Pvà bà Lê Thị Thủy Ng đã tự nguyện bàn giao tài sản đảm bảo cho S để xử lý thu hồi khoản nợ của Công ty T theo quy định của hợp đồng thế chấp. Sau khi ông P, bà N bàn giao tài sản thế chấp cho S, S đã thực hiện việc bán đấu giá theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền thu nợ là **12.784.734.800** đồng tiền gốc. Đến thời điểm hiện nay Công ty T đã trả cho ngân hàng **12.842.310.624đ** tiền gốc, và tiền lãi là **337.200.458đ;** Còn nợ lại S số tiền gốc là **925.689.376** đồng và tiền lãi. Mặc dù đã được S tạo điều kiện về thời gian để thu xếp trả nợ tuy nhiên Công ty T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S. Do vậy, tại phiên tòa S đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T (Nay là Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ T) phải trả cho S số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 86/2018/HĐHM-PN/SHB.114000 ngày 05/12/2018, PLHĐTD số PL01-86/2018/HĐHM-PN/SHB.114000 ngày 10/4/2019 và các khế ước nhận nợ đã ký kết tính đến ngày 09/9/2022 là: 4.663.156.987 đồng. (Trong đó: Gốc: 925.689.376 đồng; Lãi trong hạn: 2.523.708.361đồng; Lãi quá hạn: 1.194.060.567đ; Phí phạt: 19.698.683 đồng).

Công ty T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 86/2018/HĐHM-PN/SHB.114000 ngày 05/12/2018 và PLHĐTD số PL01-86/2018/HĐHMPN/SHB.114000 ngày 10/4/2019 và các khế ước nhận nợ do hai bên đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND thành phố Hải Dương đã nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn công ty T, triệu tập người đại diện theo pháp luật của công ty T đến trình bày quan điểm tại Tòa án về việc S khởi kiện nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày tại Tòa án. Căn cứ vào Công văn số 76/ĐKKD – KHĐT ngày 07/10/2021 và công văn số 64/KHĐT – ĐKKD ngày 12/7/2022 về việc cung cấp tài liệu, thông tin về doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương thì Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T thành lập vào năm 2011 có hai thành viên góp vốn, trong đó ông Mai Văn P là đại diện theo pháp luật. Ngày 07/4/2021 Công ty đã nộp hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ được chuyển đến số Đ, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T đã được chuyển đổi thành Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ T từ ngày 03/6/2022. Về tình trạng hoạt động của Công ty: Từ khi được cấp GCN ĐKKD lần đầu đến nay phòng ĐKKD

thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương chưa nhận được hồ sơ của công ty về việc đăng ký tạm ngừng hay giải thể, theo dữ liệu trên hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, hiện công ty ở tình trạng đang hoạt động.

Đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Mai Văn P, theo GCNĐKKD ông P có hộ khẩu tại xã C, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, tuy nhiên qua xác minh hiện nay ông P đã chuyển hộ khẩu đến phường H, thành phố Hải Dương. Theo cung cấp của Công an phường H thì ông Mai Văn P có hộ khẩu tại số 18 Đ, khu 12, phường H, thành phố Hải Dương nhưng hiện tại không sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Theo cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh thì không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh của trường hợp ông Mai Văn P.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện S giữ nguyên quan điển như đã trình bày, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Trường P phải trả cho S số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 86/2018/HĐHM-PN/SHB.114000 ngày 05/12/2018 và PLHĐTD số PL01-86/2018/HĐHM-PN/SHB.114000 ngày 10/4/2019 và các khế ước nhận nợ đã ký kết tính đến ngày 09/9/2022 là: 4.663.156.987 đồng. (Trong đó: Gốc: 925.689.376 đồng; Lãi trong hạn: 2.523.708.361đồng; Lãi quá hạn: 1.194.060.567đ; Phí phạt: 19.698.683 đồng).

Công ty T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 86/2018/HĐHM-PN/SHB.114000 ngày 05/12/2018 và PLHĐTD số PL01-86/2018/HĐHMPN/SHB.114000 ngày 10/4/2019 và các khế ước nhận nợ do hai bên đã ký kết.

Bị đơn Công ty T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi khởi kiện của S: Buộc Công ty T phải trả cho S số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 86/2018/HĐHM-PN/SHB.114000 ngày 05/12/2018 và PLHĐTD số PL01-86/2018/HĐHM-PN/SHB.114000 ngày 10/4/2019 và các khế ước nhận nợ đã ký kết tính đến ngày 09/9/2022 là: 4.663.156.987 đồng. (Trong đó: Gốc: 925.689.376 đồng; Lãi trong hạn: 2.523.708.361đồng; Lãi quá hạn: 1.194.060.567đ; Phí phạt: 19.698.683 đồng).

Công ty T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 86/2018/HĐHM-PN/SHB.114000 ngày 05/12/2018 và PLHĐTD số PL01-86/2018/HĐHMPN/SHB.114000 ngày 10/4/2019 và các khế ước nhận nợ do hai bên đã ký kết.

Về án phí: Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* S khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán khoản tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do vậy xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tại đơn khởi kiện S khởi kiện Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T có địa chỉ tại: số 7 M, phường H, thành phố Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào công văn trả lời của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương thì từ ngày 03/6/2022, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T đã được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ T có địa chỉ trụ sở chính tại số Đ, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa cho Công ty T nhưng người đại diện theo pháp luật của công ty T không đến Tòa án tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của SHB:

SHB khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán khoản tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng số 86/2018/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 05/12/2018; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL 01 - 86/2018/HĐHM -PN/SHB.114000 ngày 10/4/2019 và các khế ước nhận nợ đã ký kết.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã được các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Sau khi giao kết hợp đồng phía S đã giải ngân cho Công ty T số tiền vay 13.768.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng do Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã ký kết giữa hai bên vì vậy S đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 08/11/2019. Sau khi khoản vay chuyển thành nợ quá hạn, S nhiều lần làm việc với người đại diện theo pháp luật của Công ty T yêu cầu thanh toán khoản nợ cho nên ngày 21/9/2020 ông Mai Văn P và bà Lê Thị Thủy N là người thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay cho Công ty T đã tự nguyện bàn giao tài sản đảm bảo cho S để xử lý thu hồi khoản nợ của Công ty Ttheo quy định của hợp đồng thế chấp. Tổng số tiền thu nợ là 12.784.734.800 đồng tiền gốc.

Căn cứ vào các khế ước nhận nợ, bảng kê tính lãi, bảng tổng hợp dư nợ về

các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp, tính đến ngày 09/9/2022 Công ty T còn nợ S số tiền: Theo khế ước nhận nợ số 10 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 08/7/2019, nợ lãi trong hạn 116.506.666đ, nợ lãi quá hạn: 80.298.091đ, lãi phạt 867.993đ, tổng: 247.672.750đ; Theo khế ước nhận nợ số 11 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 18/7/2019, nợ lãi trong hạn 164.326.250đ, nợ lãi quá hạn: 79.200.140đ, lãi phạt 862.584đ, tổng: 244.388.974đ; Theo khế ước nhận nợ số 12 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 20/7/2019, nợ lãi trong hạn 95.660.955đ; lãi quá hạn 45.941.529, lãi phạt 548.889đ, tổng: 142.151.373đ; Theo khế ước nhận nợ số 13 - 86/HĐHM – PN/SHB.114000 ngày 22/7/2019, nợ lãi trong hạn 169.617.855đ, lãi quá hạn 81.169.469đ, lãi phạt 1.055.504đ, tổng 251.842.828đ; Theo khế ước nhận nợ số 14 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 22/7/2019, nợ lãi trong hạn 168.747.930đ, lãi quá hạn 80.753.245đ, lãi phạt 1.050.242đ, tổng: 250.551.417đ; Theo khế ước nhận nợ số 15 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 23/7/2019, nợ lãi trong hạn 170.158.442đ, lãi quá hạn 81.282.441đ, lãi phạt 1.100.050đ, tổng 252.540.933; Khế ước nhận nợ số 16 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 05/8/2019, nợ lãi trong hạn 476.043.323đ, lãi quá hạn 222.746.296đ, lãi phạt 4.443.858đ, tổng 703.233.477đ; Khế ước nhận nợ số 17 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 05/8/2019, nợ lãi trong hạn 467.227.430đ, lãi quá hạn 218.621.394đ, lãi phạt 4.361.944đ, tổng 690.210.768đ; Khế ước nhận nợ số 18 -86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 08/8/2019, nợ gốc 925.689.376đ, nợ lãi trong hạn 645.419.510, lãi quá hạn 304.047.962đ, lãi phạt 5.407.619đ, tổng 1.880.564.467đ. **Tổng số tiền Công ty T còn nợ lại S tính đến ngày 09/9/2022 là: 4.663.156.987đ** (trong đó: Nợ gốc: 925.689.376, nợ lãi trong hạn: 2.523.708.361, nợ lãi quá hạn: 1.194.060.567đ, lãi phạt:19.698.693đ). Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, S khởi kiện yêu cầu công ty T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi suất trong hạn, tiền lãi suất quá hạn, lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ. Tòa án buộc Công ty T phải trả cho S tổng số tiền tính đến ngày 09/9/2022 là 4.663.156.987đ. (Trong đó: Nợ gốc: 925.689.376, nợ lãi trong hạn: 2.523.708.361, nợ lãi quá hạn: 1.194.060.567đ, lãi phạt:19.698.693đ)

Công ty T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 86/2018/HĐHM PN/SHB.114000 ngày 05/12/2018 và PLHĐTD số PL01- 86/2018/HĐHMPN/SHB.114000 ngày 10/4/2019 và các khế ước nhận nợ đã ký kết giữa hai bên.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của S được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty T phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 280 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019; Luật phí

và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S: Buộc Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S các khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 86/2018/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 05/12/2018; Phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL 01 - 86/2018/HĐHM -PN/SHB.114000 ngày 10/4/2019 và các khế ước nhận nợ gồm: Khế ước nhận nợ số 10 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 08/7/2019; Khế ước nhận nợ số 11 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 18/7/2019; Khế ước nhận nợ số 12 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 20/7/2019; Khế ước nhận nợ số 13 - 86/HĐHM – PN/SHB.114000 ngày 22/7/2019; Khế ước nhận nợ số 14 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 22/7/2019; Khế ước nhận nợ số 15 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 23/7/2019; Khế ước nhận nợ số 16 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 05/8/2019; Khế ước nhận nợ số 17 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 05/8/2019; Khế ước nhận nợ số 18 - 86/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 08/8/2019 với số tiền còn phải thanh toán tính đến ngày 09/9/2022 là: **4.663.156.987đ**. (Trong đó: Nợ gốc: 925.689.376, nợ lãi trong hạn: 2.523.708.361, nợ lãi quá hạn: 1.194.060.567đ, lãi phạt:19.698.693đ)

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 86/2018/HĐHM - PN/SHB.114000 ngày 05/12/2018 và PLHĐTD số PL01-86/2018/HĐHMPN/SHB.114000 ngày 10/4/2019 và các khế ước nhận nợ đã ký kết.

2. Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ T phải chịu **112.663.157đ (Một trăm mười hai triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn một trăm năm bảy đồng)** tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **56.292.000đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm chín mươi hai ngàn đồng)** tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (do bà Lê Thị Hồng Đ nộp thay) theo biên lai thu số AA/2021/0000179 ngày 27 tháng 5 năm 2022.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Thu